

305.409 597 75

ĐC

L 302 S

ANH HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ
TỈNH ĐỒNG NAI

LỊCH SỬ
PHONG TRÀO PHỤ NỮ
TỈNH ĐỒNG NAI
1930 - 2000

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG NAI

**LỊCH SỬ PHONG TRÀO PHỤ NỮ
TỈNH ĐỒNG NAI (1930 – 2000)**

**BAN CHẤP HÀNH HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**LỊCH SỬ PHONG TRÀO
PHỤ NỮ TỈNH ĐỒNG NAI
(1930 – 2000)**

**THƯ VIỆN
TỈNH ĐỒNG NAI**

2018/BC/VV 00001241

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG NAI - 2004

BAN CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

- THƯỜNG VỤ HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ
TỈNH ĐỒNG NAI

BAN CỐ VẤN

- NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT
- LÊ THỊ HUỆ
- TRẦN THỊ HÒA

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

- ĐÀO NGUYÊN

BAN BIÊN SOẠN

- TRẦN QUANG TOẠI, chủ biên
- PHAN ĐÌNH DŨNG
- NGUYỄN THỊ TUYẾT HỒNG
- NGUYỄN THỊ NGUYỆT

Mở đầu

KHÁI QUÁT TRUYỀN THỐNG PHỤ NỮ BIÊN HÒA – ĐỒNG NAI

Đồng Nai là một tỉnh ở miền Đông Nam bộ, có diện tích 5.864 km²; tiếp giáp với các tỉnh: Bình Dương, Bình Phước, Lâm Đồng, Bình Thuận và Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng Nai có dân số hơn 2 triệu người, gồm nhiều cộng đồng dân tộc: Kinh, Hoa, Châu Ro, Stiêng, Mạ, Chăm, K'ho... Trong đó, người Kinh chiếm 98%. Lực lượng nữ ở Đồng Nai chiếm 51% trên tổng dân số.

Theo sách *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn, vào thế kỷ thứ 16, 17, địa danh Đồng Nai là tên gọi của cả vùng đất Nam bộ: *Đất Đồng Nai từ các cửa biển Soi Lạp (Soai Rap), cửa Đại, cửa Tiểu là rừng rậm hàng mấy ngàn dặm...* Năm 1679, chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần đã đồng ý cho nhóm người Hoa “phản Thanh phục Minh” do Dương Ngạn Địch và Trần Thắng Tài (tức Trần Thượng Xuyên) cầm đầu vào định cư ở Đàng Trong để sinh sống lập nghiệp. Riêng nhóm người Hoa do Trần Thượng Xuyên dẫn đầu với khoảng 3.000 người (bao gồm binh sĩ và nhiều hộ gia đình) đi trên 50 chiến thuyền vào sinh sống ở khu vực Biên Hòa, chủ yếu là Cù Lao Phố (nay là xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa). Sau khi ổn định nơi “đất lành chim đậu”, Trần Thượng Xuyên đã cho người về bản xứ kêu gọi thêm người Hoa có tài lực vào vùng đất mới lập nghiệp.

Nhiều người Việt là nông dân từ vùng ngũ Quảng ⁽¹⁾ tránh chiến tranh giữa hai tập đoàn Trịnh và Nguyễn, những người bị lưu đày cũng bỏ xứ tìm vào vùng đất mới. Dân số ở Đồng Nai vào cuối thế kỷ 17 đã lên đến 4 vạn hộ (khoảng hơn 20 vạn người).

Từ năm 1698, khi vào kinh lược và xây dựng bộ máy quản lý hành chính ở vùng đất phía Nam, xây dựng phủ Gia Định gồm hai huyện: Tân Bình và Phước Long (nay là Biên Hòa – Đồng Nai, tỉnh Bình Phước, một phần tỉnh Bình Dương và quận 2, quận 9, quận Thủ Đức của Thành phố Hồ Chí Minh), Lê Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh đã kêu gọi thêm những người có điều kiện, tiền vốn vào đây khai khẩn. Trong số người từ miền ngoài không ít những hộ gia đình cùng đi. Người Việt, người Hoa, người dân tộc bản địa cùng chung sức lao động đã xây dựng và phát triển thương cảng Cù lao Phố sầm uất vào thế kỷ 18.

Năm 1802, Nguyễn Ánh và các vua triều Nguyễn đã tiếp nối trong việc đề ra những chính sách khuyến khích khẩn hoang ở vùng đất mới. Cả một vùng hoang vu rừng rậm *dưới sông sáu lội, trên giồng cọp um* dưới bàn tay khai phá, kết đoàn của dân cư các dân tộc, trong đó có phụ nữ, từng bước đã trở thành một vùng đất trù phú, xóm làng xanh tươi, màu mỡ: *Đồng Nai nước ngọt gió hiền / Biên Hùng muôn thuở đây miền âu ca* mời gọi mọi người dân từ khắp đất nước về xây dựng:

⁽¹⁾ Ngũ Quảng: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Đức (tức Thừa Thiên – Huế).

Nhà Bè nước chảy chia hai.

Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về

và

Đồng Nai gạo trắng nước trong.

Ai đi đến đó thời không muốn về.

Công lao động của những cư dân ban đầu bỏ ra không ít khi phải đối phó với thiên nhiên khắc nghiệt, lam sơn chướng khí. Trong lực lượng lao động ban đầu ở vùng đất mới, tuy không có số liệu cụ thể, nhưng có thể nói vai trò của phụ nữ là rất quan trọng. Bởi căn cứ vào địa bạ triều Nguyễn được lập từ năm 1836, trong số những người hằng sản, có nhiều ruộng đất thì phụ nữ chiếm đến 20 người. Điều này cho phép ta khẳng định vai trò của lao động nữ (cả trong quản lý điều hành) trong việc khai phá vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai.

Đại đa số phụ nữ cùng với gia đình vào vùng đất mới hoặc lớn lên từ vùng đất mới vào thế kỷ 17, 18 đều xuất thân từ giai cấp nông dân, chân chất, quý trọng lao động, ít nhiều đều chịu ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến do sự ràng buộc về truyền thống xã hội; đặc biệt là khi giai cấp phong kiến xây dựng thiết chế văn hóa, xã hội dựa trên tư tưởng Nho gia để củng cố trật tự xã hội và vương quyền của mình, như quan điểm tam tòng: “tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử”.

Chính thực tế sinh hoạt ở vùng đất mới Đồng Nai, nơi mà lễ giáo phong kiến tuy có ảnh hưởng nhưng chưa thực sự chiếm địa vị thống trị, phụ nữ địa phương trong quan hệ nam nữ, lứa đôi vẫn thể hiện được tính chung thủy và dung dị, thể hiện qua thơ ca trữ tình: *Ba năm*

thương nhớ bóng hình. Bậu ơi! Năm tay cho thỏa tấm tình bấy lâu hoặc Thấy anh lớn tuổi mà khờ. Lưng em không dựa, dựa bờ cỏ may. Tính cách người xứ Đồng Nai mà phụ nữ chiếm số đông có thể là thực tế để tác giả Đại Nam nhất thống chí có nhận xét: dân gian phong tục thuần hậu, tánh khí đơn giản, kẻ sĩ chuộng thơ văn, nhân dân siêng việc cày ruộng dệt vải và nghề thợ, nghề buôn tùy theo địa thế phát triển làm ăn... Trịnh Hoài Đức trong Gia Định thành thông chí cũng có nhận xét tương tự: Trấn Biên Hòa núi đẹp sông trong, phong tục thuần hậu, công việc giản dị, kẻ sĩ chuộng thơ văn, nhân dân siêng cày cấy, dệt vải.

Người phụ nữ Biên Hòa – Đồng Nai cũng như nhân dân bấy giờ, phải thường xuyên đối mặt với thiên nhiên hiểm nguy. Do vậy, sự cố kết, tương trợ nhau là tất yếu trong cộng đồng cư dân. Người đến trước giúp người đến sau nhằm xây dựng cuộc sống an bình:

Rông châu ngoài Huế

Ngựa tể Đồng Nai

Nước sông trong chảy lộn sông ngoài

Thương người xa xứ lạc loài tới đây...

Không ít những câu ca dao dân gian ca ngợi lòng thủy chung của nhân dân địa phương, trong đó có giới nữ xứ Đồng Nai: *Bao giờ cạn lạch Đồng Nai. Nát chùa Thiên Mụ mới phai lời nguyên.*

Biên Hòa xưa là địa phương có nhiều nghề truyền thống với nhiều sản vật, sản phẩm nổi tiếng: mía đường, vải lụa, gốm, đá, cây ăn trái... Trong đó, bưởi là một đặc sản. Bưởi Biên Hòa đã đi vào thơ ca dân gian, thể hiện

tình cảm của người phụ nữ địa phương một cách khéo léo trong quan hệ nam nữ bền vững: *Bữa nay mát dạ mát lòng. Mát tình duyên nợ, mặn nồng lúa đôi.*

Phụ nữ Biên Hòa – Đồng Nai có cuộc sống giản dị, giỏi trong cày cấy, khéo léo trong làm nghề, thủy chung trong quan hệ nam nữ, vợ chồng, nhưng cũng hết sức dũng cảm, kiên trì trong đấu tranh chống áp bức bất công, bảo vệ hạnh phúc và chân lý cuộc sống. Bà Nguyễn Thị Tôn, người làng Mỹ Khánh (nay là phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa) vào giữa thế kỷ 19 đã một thân một mình dám trèo đèo, lội suối từ Mỹ Tho ra đến kinh thành Huế dâng sớ đấu tranh minh oan cho chồng là ông Bùi Hữu Nghĩa, một vị quan thanh liêm làm Tri huyện Trà Vang (tỉnh Trà Vinh ngày nay) bị gian thần hãm hại. Tám gương đấu tranh cho công lý, cho hạnh phúc, lòng thủy chung của bà đã được Từ Dũ Thái hậu ban tặng tám biển “Liệt phụ khả gia”.

* * *

Tính cách thủy chung, đoàn kết, dám đối đầu với thách thức là một trong những nền tảng để phụ nữ Biên Hòa – Đồng Nai sẵn sàng hy sinh trong đấu tranh cho độc lập dân tộc.

Tháng 2-1861, thực dân Pháp đánh chiếm đồn Kỳ Hòa (Gia Định). Ngày 17-12-1861, thực dân Pháp chiếm Biên Hòa. Dù triều đình nhà Nguyễn hèn nhát đầu hàng thực dân Pháp, nhưng nhân dân địa phương đã kiên quyết đấu tranh chống giặc dưới sự lãnh đạo của các bậc sĩ phu yêu nước.

Chiến tranh là thử thách với dân tộc, đặc biệt với nữ giới. Truyền thống “Giặc đến nhà, đàn bà phải đánh” đã được phụ nữ Biên Hòa thể hiện sinh động, phong phú. Nhiều câu ca dao, dân ca đã thể hiện tấm lòng yêu nước của người phụ nữ, động viên chồng con lên đường cứu nước:

*Anh đi đánh giặc Lang sa ⁽¹⁾
Để thiếp ở nhà lo tần lo tảo
Chén cơm manh áo nhà cửa ruộng vườn
Để anh lên ngựa đề thương
Thiếp về mặc thiếp liệu lương nuôi con.*

và giáo dục cho con truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm ngay trong những điệu ru:

*Con ơi con ngủ cho say
Cha con đi giết sạch loài Lang sa
Lớn lên con nối chí cha
Ra đi giết giặc nước nhà bình yên.*

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp lần thứ nhất, cùng với nhân dân, phụ nữ Biên Hòa đã tích cực lao động sản xuất, nuôi con và ủng hộ tiếp tế cho nghĩa quân, góp phần hình thành những căn cứ kháng chiến ở Bàu Cá (huyện Trảng Bom), Giao Loan (Rừng Lá, thuộc huyện Xuân Lộc), đảm bảo cho nghĩa quân kháng Pháp suốt từ năm 1861 đến năm 1865, gây cho địch nhiều thiệt hại ở Long Thành, Thị Vải, Hồ Tràm...

⁽¹⁾ Giặc Lang sa: giặc Pháp.

Những năm đầu thế kỷ 20, thực dân tư bản Pháp đẩy mạnh khai thác thuộc địa, góp phần thúc đẩy giai cấp công nhân ra đời. Công nhân, đặc biệt nữ công nhân là giai tầng bị áp bức, bóc lột nặng nề nhất. Cùng làm một việc như nam công nhân, nhưng nữ công nhân luôn hưởng lương thấp hơn. Trong các đồn điền cao su của tư bản thực dân Pháp, nữ công nhân bị đối xử tàn tệ, nhân phẩm bị chà đạp: *Vợ mình thật sự vợ mình. Cai xu muốn lấy mặc tình chẳng tha*. Nữ công nhân đồn điền ở Biên Hòa là thành phần đông đảo tham gia nhiều cuộc đấu tranh chống tư bản áp bức, đánh đập, đòi quyền lợi thiết thân, bảo vệ nhân phẩm. Tiêu biểu như cuộc đấu tranh của công nhân các đồn điền: Cam Tiêm (năm 1928), Phú Riêng (năm 1930) gây tiếng vang lớn ở trong và ngoài nước.

Trong 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc (1945 - 1975), Biên Hòa – Đồng Nai là địa bàn địch xây dựng nhiều căn cứ quân sự chiến lược, cũng là nơi địch càn quét đánh phá bình định ác liệt. Được Đảng và Hội Phụ nữ lãnh đạo, phụ nữ Biên Hòa – Đồng Nai đã phát huy truyền thống “đảm việc nước, giỏi việc nhà”, động viên chồng, con, em lên đường chiến đấu; đồng thời là lực lượng nòng cốt ở địa phương trong đấu tranh chính trị, binh vận, giao liên, hậu cần... góp phần hình thành những căn cứ kháng chiến như: Chiến khu Đ, Chiến khu Rừng Sác... những căn cứ du kích như: Bình Đa, Hố Cạn... những cửa khẩu hậu cần quan trọng có nhiều đóng góp cho kháng chiến như: Bình Sơn, Phước Thái, Phước An, Cẩm Mỹ... Biết bao nữ đảng viên, cán bộ, chiến sĩ cách mạng bị giam hãm, bị nhục hình trong các nhà tù của thực dân, đế quốc, nhưng vẫn một lòng kiên trung với cách mạng. Liệt sĩ anh hùng Hồ Thị Hương, chiến sĩ trinh sát vũ trang thị xã Long

Khánh đã chiến đấu và hy sinh anh dũng. Hơn 300 bà mẹ đã được phong danh hiệu cao quý: “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” là những tấm gương tiêu biểu cho phụ nữ Đồng Nai trong kháng chiến. Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phụ nữ Đồng Nai tham gia trên mọi mặt trận từ xây dựng kinh tế, giáo dục, văn hóa, xã hội, góp phần cùng nhân dân tỉnh nhà hoàn thành mọi chỉ tiêu, xây dựng Đồng Nai thành một tỉnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa.

Cần cù, sáng tạo trong lao động, thủy chung trong tình yêu, tình nghĩa vợ chồng; người mẹ nuôi dưỡng, giáo dục biết bao thế hệ anh hùng; người chiến sĩ kiên cường trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, trong công cuộc xây dựng đất nước, phụ nữ Đồng Nai đã góp phần làm nên truyền thống của phụ nữ Việt Nam: “Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang”.

Chương I

PHỤ NỮ BIÊN HÒA TRONG PHONG TRÀO ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC (1930-1945)

1. NHỮNG NĂM THÁNG TRƯỚC KHI CÓ ĐẢNG.

Sống dưới chế độ thực dân nửa phong kiến, tình cảnh của người phụ nữ vốn đã bi đát, tủ nhục lại càng tăng thêm bội phần. Họ là tầng lớp vừa bị ràng buộc bởi tư tưởng phong kiến lạc hậu, hà khắc, lại vừa bị các thế lực phong kiến, thực dân bóc lột, chà đạp thô bạo lên cuộc sống và nhân phẩm. Là một bộ phận của phụ nữ Việt Nam, phụ nữ Biên Hòa cũng cùng chung cảnh ngộ trong bối cảnh lịch sử đất nước lúc bấy giờ.

Nỗi khổ nhục tận cùng của người phụ nữ bản xứ đã được đồng chí Nguyễn Ái Quốc ghi lại trong *Bản án chế độ thực dân Pháp*:

Một tên lính buộc một người phụ nữ Việt Nam phải hiến thân cho con chó của hắn. Chị không chịu, hắn liền đâm một nhát lưỡi lê vào bụng chị, chết tươi.

Nhiều phụ nữ bản xứ khốn khổ, phải mang nặng gông xiềng đi quét đường chỉ vì một tội là không nộp nổi thuế.

Nhân viên nhà đoan vào nhà người bản xứ, bắt đàn bà, con gái cởi hết áo quần trước mặt chúng, và khi họ đã trần truồng như nhộng thì chúng giở trò dâm dăng kỳ quặc đến mức đem cả con dấu nhà đoan đóng lên người họ.

Tháng 3-1922, một nhân viên nhà đoan ở Bà Rịa đã đánh gần chết một phụ nữ Việt Nam làm phu đội muối, lấy cớ là chị đã làm ồn ào dưới hiên nhà hấn làm hấn mất giấc ngủ trưa. Tuyệt hơn nữa là người phụ nữ ấy còn bị đe dọa đuổi khỏi công trường muối nếu chị kêu kiện.

Một bà cụ Việt Nam cũng là phu gánh muối, vì bị khấu lương nên cãi nhau với mụ cai, mụ cai thưa với viên đoan. Viên này không cần xét hỏi gì cả, tát luôn bà cụ hai tát và khi bà cụ cúi xuống nhặt nón, thì “nhà khai hóa” lại đá luôn một cái rất ác vào bụng dưới làm máu ộc ra lênh láng. Bà cụ ngã xuống đất bất tỉnh. Đáng lẽ phải đỡ bà cụ dậy, thì người cộng sự với ông Xa-nô lại đòi lý trưởng sở tại đến và ra lệnh đem người bị thương đi, lý trưởng từ chối không làm. Viên đoan lại cho đòi chồng bà già đến (ông này mù), ra lệnh đem vợ về. ⁽¹⁾

Những hình ảnh nêu trên đã tố cáo mạnh mẽ thói dâm loạn tàn bạo và vạch trần thế nào là bình đẳng, bác

⁽¹⁾ *Bản án chế độ thực dân Pháp* – Nguyễn Ái Quốc – Nxb. Sự Thật, Hà Nội, 1975.

ái, công bằng, lịch sự của thực dân Pháp đối với tầng lớp phụ nữ.

Tình cảnh của chị em nông dân Biên Hòa cũng không hơn gì chị em làm muối. Người nông dân một nắng hai sương, quanh năm bán mặt cho đất, bán lưng cho trời mà đến mùa vẫn không đủ thóc nộp tô, thuế cho địa chủ.

Biên Hòa không thiếu những địa chủ không chỉ nổi tiếng về sự giàu có, mà còn nổi tiếng bởi những hành động áp bức dân lành, đặc biệt với phụ nữ chân lấm tay bùn. Ở làng Mỹ Hội (tổng Thành Tuy Hạ), nổi tiếng là hai cha con địa chủ Đào Mỹ Thiêng và Đào Mỹ Liêu. Nhờ lao động của những nông dân và bằng những thủ đoạn xảo quyệt, cả hai đã chiếm đến trên 600 hécta ruộng và bỏ tiền mua chức hội đồng. Nhiều người vay tiền đến kỳ hạn không trả được đã bị mất ruộng vào tay hai cha con tên hội đồng. Hội đồng Liêu nổi tiếng ác bá. Một bữa, có đám cưới rước dâu ngang qua nhà hội đồng Liêu. Y sai bọn tay chân chặn đường, cướp cô dâu cả tuần liền. Chú rể uất ức đến phải tự vẫn.

Việc tập trung ruộng đất vào tay địa chủ đã đẩy nhiều gia đình nông dân vào cảnh bần cùng. Thêm vào đó, những qui ước của “lệ làng” đã trở thành món nợ của người dân nghèo nông thôn, không biết đến bao giờ mới trả hết đối với làng xã. Hàng năm, ngoài việc phải đóng góp tiền của, công sức và các chi phí cúng lễ, đón tiếp... thì vào ngày lễ, tết, chị em còn phải chạy lo gà vịt, bánh trái đi lễ cho bọn địa chủ, bọn tề xã. Nợ nần chồng chất, không hiếm gia đình phải bán con trừ nợ. Có gia đình, hai vợ chồng chỉ độc một chiếc quần. Nhiều cô gái đến tuổi dậy thì vẫn không có manh áo lành lặn để che thân.

Từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914-1918), thực dân Pháp bắt đầu công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai. Ở Biên Hòa, chúng đầu tư lớn cho việc mở đồn điền và nhà máy chế biến nguyên liệu phục vụ cho công nghiệp ở chính quốc. Việc tuyển mộ phu đồn điền đã thúc đẩy nhanh quá trình hình thành đội ngũ công nhân ở Biên Hòa ngày càng đông đảo. Trong đội ngũ công nhân, phụ nữ là tầng lớp bị tư bản bóc lột thậm tệ. Họ cùng làm việc như nam giới, nhưng lương luôn thấp hơn. Báo *Phụ nữ Tân Văn* (số ra ngày 9-5-1929) ghi lại: *Chúng tôi đã từng thấy nhiều xưởng công nghệ mướn đàn bà làm công mỗi ngày hai các rưỡi mà ngày nào làm ít cũng mười giờ đồng hồ... Chúng tôi đã từng thấy họ mộ cả đàn bà vào làm trong vườn cao su hay là sang Tân Thế giới, lương bổng cũng là lương bổng chết đói mà đem thân đào tơ liễu yếu chịu sao thấu nắng dãi mưa dầu. Biết bao nhiêu người sống sót mang bệnh tật trở về, mất cả sức sinh đẻ. Chúng tôi đã thấy trong biết bao nhiêu xưởng thợ, chủ bắt đàn bà con gái làm những việc rất nặng nhọc vượt quá sức mình.* ⁽¹⁾

Trong các đồn điền cao su ở Biên Hòa, cuộc sống lao động của phụ nữ khắc nghiệt gấp nhiều lần chị em lao động trong các xưởng thợ và trong nông nghiệp. Trái ngược hoàn toàn với những lời tán dương tốt đẹp của bọn mộ phu, người phụ nữ khi ký vào bản giao kèo hoặc lăn dấu tay vào giấy cam kết (nếu không biết ký tên), coi như

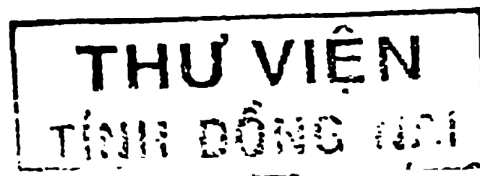
⁽¹⁾ *Truyền thống cách mạng của phụ nữ Nam bộ thành đồng – Tổ sử phụ nữ Nam bộ – Nhà truyền thống Phụ nữ Nam bộ xuất bản năm 1989, trang 27.*

đã chấp nhận cuộc sống làm nô lệ ba năm hoặc lâu hơn nữa. Tiền công đã rẻ hơn của người phu nam, nhưng đến tháng lĩnh tiền đâu phải dễ dàng. Ngày lĩnh lương của công nhân ở sở cao su được ký giả Pháp Le-phe-vô-rơ mô tả như sau: *Hôm nay là ngày phát tiền, 2 giờ chiều cu li tràn tới buồng phát... Những thân hình gầy còm đi tới đi lui, một tiếng xào xạc của chân không dẫm lên lá khô, một cái cựa quậy của xương bả vai nổi hết ra ngoài của những bộ ngực lồi xương sườn và của những sợi gân sần sùi ngời lốm chốm không nhúc nhích nhưng căng thẳng như những con ve... Chế độ ăn của chị em cũng chẳng khác nam giới, thường xuyên gạo hầm, khô mực. Chị em phải sống trong những căn nhà tranh tồi tàn, thiếu cả nước vệ sinh. Nhiều tai họa thường xuyên đe dọa chị em như: bị hãm hiếp, bị đánh đập cúp phạt, bị bệnh tật không có thuốc men chữa trị, quần áo rách nát không đủ che thân.*

2018/ĐC/VV 00001241

Thực dân Pháp cũng đặt ra những quy định gọi là “Chế độ đối với lao động nữ” như nghị định ngày 25-10-1927 của Toàn quyền Đông Dương: “Phụ nữ được nghỉ để một tháng có lương sau khi đẻ”. Như vậy, chỉ sau khi đẻ rồi nữ công nhân mới được nghỉ một tháng có lương. Còn trước đó thì không được nghỉ hoặc nghỉ không có lương.

Đây là một nghị định chỉ nhằm bóc lột sức lao động của phụ nữ. Mĩa mai thay, thực tế ở những sở cao su, bọn chủ sở lại thực hiện như sau: Năm 1938, tại sở cao su Cây Gáo, chị Nguyễn Thị Hoa, phu cạo mủ mang thai gần ngày sanh vẫn phải đi cạo. Nhưng vì sức yếu, chị không thu được hết mủ bèo, mủ đất, nên tên cai đã đánh chị đến chết tại gốc cây cao su. Chị Liên cũng là một công nhân cạo mủ đang mang thai, vì mệt nên bỏ làm “cỏ vè” một tiếng đồng



hồ. Tên chủ sở cho đào một cái lỗ, bắt chị nằm úp bụng xuống rồi đánh vào hai gan bàn chân làm chị bị sảy thai.

Trong những “địa ngục trần gian” này, những tên chủ sở và bọn tay sai xem nữ công nhân không hơn một món hàng mà chúng có quyền bán hoặc cướp đoạt. Thực trạng này được công nhân kêu than trong hai câu ca:

Vợ mình thật sự vợ mình

Cai, xu muốn lấy mặc tình chẳng tha.

Năm 1941, ở sở cao su Dầu Giây, có hai vợ chồng anh Tình vào sở làm chưa được một tuần lễ, tên sếp cho tay chân mang đến một cái mâm, trên đó đặt món lễ cưới, có trầu cau, trái cây và một con dao phay, bắt anh chọn một trong hai thứ. Một tên trong bọn đã lấy dao phay kê vào ngực anh đe dọa, để cho đồng bọn vác xóc vợ anh lên vai chạy thẳng ra ngoài.

Có áp bức tất có đấu tranh. Phụ nữ Biên Hòa vốn cần cù, siêng năng lao động và rất mực thủy chung, nhưng cũng yêu tự do, công bằng, đã sát cánh cùng nam giới và các tầng lớp nhân dân nổi dậy chống bất công.

Tháng 12-1926, nam nữ công nhân sở cao su Cam Tiêm (Cẩm Mỹ) đã đứng lên đấu tranh chống phạt vạ, chống đánh đập và đòi ốm đau phải được nghỉ ngơi điều trị. Cuộc đấu tranh như một ngòi nổ đã lan rộng ra khắp các đồn điền, các nhà máy, xí nghiệp ở Biên Hòa – nơi bọn thực dân tư bản Pháp đang ra sức bóc lột tài nguyên và sức lao động của nhân dân ta.

Gần hai năm sau, ngày 20-9-1928, 400 nam nữ công nhân sủ cao su Cam Tiêm lại nhất loạt đình công đấu tranh đòi thực hiện đúng chế độ công-tra ⁽¹⁾. Tên chủ đồn điền Xi-xê-rông và tên sếp sủ hốt hoảng chạy trốn sang Dầu Giây và cho người lên Xuân Lộc gọi lính về đàn áp. Đến chiều cùng ngày, sau khi bọn hiến binh ở Xuân Lộc không dám lên, tên Tỉnh trưởng Biên Hòa phải cử 20 lính và 3 hiến binh đi ô tô lên đàn áp, làm nhiều người chết và bị thương.

Cuộc đấu tranh ở Cam Tiêm lần thứ hai đã gây tiếng vang lớn ở miền Đông Nam bộ. Nó vạch trần chính sách bóc lột dã man của thực dân tư bản Pháp ở các đồn điền cao su: Báo *Echo Anamite* (số ra ngày 20-9-1928) đã phải viết: *Bọn mộ phu với nhiều hứa hẹn đẹp đẽ đã phỉnh gạt những người nghèo khổ... để họ ký tên vào bản công-tra mà chính họ cũng không biết điều khoản 1 nói gì. Về phía phụ nữ, thiếu nữ, bọn mộ phu còn nhẫn tâm tước hết một số quyền lợi mà đáng lẽ ra người dân sắp làm công-tra phải được hưởng.*

Với truyền thống yêu nước, năm 1911, Nguyễn Tất Thành (tức Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh sau này) đã ra đi tìm đường cứu nước và giác ngộ chân lý: Con đường cứu nước và giải phóng dân tộc chỉ có thể là con đường cách mạng vô sản. Năm 1924, Người về Quảng Châu (Trung Quốc), thành lập tổ chức Hội Thanh niên cách mạng Việt Nam (năm 1925) và mở lớp đào tạo cán bộ cách mạng,

⁽¹⁾ Contract: giao kèo, hợp đồng.

tung những hạt giống đỏ này về nước để tuyên truyền, tổ chức nhân dân làm cách mạng.

Phong trào “vô sản hóa” diễn ra khắp cả nước nhằm giác ngộ và tổ chức, tập hợp giai cấp công nhân, đội quân chủ lực của cách mạng. Thực hiện chủ trương “vô sản hóa”, nhiều đồng chí trong tổ chức Đảng ⁽¹⁾ đã vào các nhà máy, đồn điền, xí nghiệp... cùng làm, cùng ăn, cùng ở với công nhân, giác ngộ cách mạng cho công nhân. Phong trào “vô sản hóa” đã có tác dụng lớn, góp phần thúc đẩy phong trào đấu tranh của công nhân tiến nhanh từ tự phát lên tự giác.

Năm 1929, các đồng chí: Ngô Gia Tự, Nguyễn Xuân Cừ, Châu Văn Liêm, Trần Thị Đây, Nguyễn Đức Văn, Lê Quang Sung... đã về hoạt động xây dựng cơ sở cách mạng tại Đồn điền cao su Phú Riềng, sở cao su An Lộc, Đền-pô xe lửa Dĩ An, Nhà máy cưa BIF... Tại đây, các đồng chí vừa phải làm thuê để kiếm tiền sinh sống vừa hoạt động cách mạng.

Tháng 10-1929, tại một khoảnh rừng làng 3, chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng Phú Riềng được thành lập, do đồng chí Nguyễn Xuân Cừ làm Bí thư ⁽²⁾. Các tổ chức bí mật như: Xích vệ, Công hội và các tổ chức công khai hợp

⁽¹⁾ Từ giữa năm 1929, ở Việt Nam hình thành 3 tổ chức Cộng sản là: Đông Dương Cộng sản Đảng ở Bắc kỳ, An Nam Cộng sản Đảng ở Nam kỳ và Đông Dương Cộng sản Liên đoàn ở Trung kỳ.

⁽²⁾ Chi bộ Phú Riềng gồm có các đồng chí: Nguyễn Xuân Cừ, Trần Tử Bình, Tạ, Hồng, Hòa, Doanh.

pháp như: Hội tương tế, Hội cứu tế, đội văn nghệ, thể thao đã được chi bộ thành lập để tập hợp công nhân.

Ngày 3-2-1930, dưới sự lãnh đạo của chi bộ, 5.000 công nhân sở cao su Phú Riềng, trong đó có 300 nữ đã vùng dậy đấu tranh chiếm sở. Hai lá cờ búa liềm được kéo lên. Cuộc đấu tranh đã đưa ra những khẩu hiệu, yêu sách chung của công nhân như: bãi bỏ thuế thân; bỏ đánh đập, cúp phạt; ngày làm việc 8 giờ; đuổi hết đốc công người Pháp ra khỏi sở... và đưa ra những khẩu hiệu, yêu sách riêng cho nữ công nhân như: trả lương, cấp gạo cho nữ công nhân trong thời kỳ sinh đẻ... Tên chủ sở Su-ba-nhắc hoảng sợ phải chấp nhận những yêu sách của công nhân đưa ra. Nhưng sau đó, hắn cho gọi lính ở đồn binh Phú Riềng đến đàn áp. Đội Xích vệ công nhân, có một tổ phụ nữ đi đầu, đã dũng cảm xông ra chống lại và bắt sống 5 tên lính, thu 7 khẩu súng. Bọn lính còn lại hoảng sợ bỏ chạy về đồn. Chủ sở và tên sếp người Pháp cũng bỏ chạy. Công nhân làm chủ đồn điền, vào văn phòng sở tịch thu và đốt tất cả giấy giao kèo. Đồng chí Trần Tử Bình đã ghi lại tinh thần đấu tranh của nữ công nhân như sau: *Có những chị rất hăng, quơ tay ôm ngang lưng lính, vật nó ngã lặn kênh và giựt lấy súng. Tây tà bỏ chạy về Biên Hòa xin viện binh, bọn quản lý đồn điền còn lại thì chấp nhận yêu sách của công nhân. Anh chị em biểu tình mừng thắng lợi bước đầu. Trong cuộc biểu tình, các đảng viên và ủy viên Ban chấp hành Công hội đi đầu, kế đó là đoàn nữ công nhân 300 chị em, cuối cùng là công nhân của 10*

làng ⁽¹⁾. Phấn khởi trước thắng lợi, anh chị em công nhân vừa đi tuần hành trong các làng, vừa hát vang bài ca *Phú Riêng* theo điệu hành vân:

*Thầy có Đảng, bạn có nông
Hợp sức đồng lòng
Phen này đánh đổ
Cả quyền Tây, triều Nam
Làm cho hết sức
Sứ mạng thợ thuyền
Đạp đổ cường quyền
Cả năm châu, năm châu ⁽²⁾*

Đây là lần đầu tiên ở miền Đông Nam bộ, một cuộc đấu tranh của nam nữ công nhân có treo cờ búa liềm, có đội Xích vệ trang bị vũ khí. Do chưa có kinh nghiệm đấu tranh, quá say sưa với thắng lợi bước đầu, một số cán bộ lãnh đạo phong trào tiếp tục tổ chức bạo động đấu tranh. Chi bộ Đảng từ chỗ hoạt động bí mật chuyển ra hoạt động công khai. Do đó, hầu hết các đồng chí đảng viên trong chi bộ và cơ sở cốt cán đều bị địch phát hiện. Cuộc đấu tranh ở Phú Riêng đã trở thành cuộc đấu tranh chính trị. Nhằm tránh thiệt hại cho công nhân, chi bộ Đảng và ban lãnh đạo đã chỉ đạo chuyển hướng từ đấu tranh chính trị sang đấu tranh về kinh tế.

⁽¹⁾ *Truyền thống cách mạng của phụ nữ Nam bộ thành đồng.*
Sách đã dẫn, trang 50.

⁽²⁾ Trích báo *Quân đội nhân dân*, số ra ngày 1-2-1980.

Để chống lại lính lê dương lên Phú Riềng đàn áp phong trào đấu tranh, nam công nhân đã đốt cây cản đường, nữ công nhân chuẩn bị phương tiện đối phó như dấm ớt trộn tro thủ sẵn trong người, để nếu bị chúng cưỡng bức hãm hiếp thì dùng tro bôi vào mắt chúng. Sáng ngày 5-2-1930, tên Thống đốc Nam kỳ, Chủ tỉnh Biên Hòa dẫn 300 lính lê dương, 500 lính khố đỏ đến Phú Riềng đàn áp khốc liệt cuộc đấu tranh. Hàng trăm nam nữ công nhân bị bắt. Nhưng bọn chủ sở đã phải chấp nhận một số cải cách về chế độ làm việc ở đây.

Mặc dù có một số tổn thất, nhưng cuộc đấu tranh của nam nữ công nhân cao su Phú Riềng đã giành được thắng lợi. Cuộc đấu tranh ở Phú Riềng đã tác động lớn đến tình hình, phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân ở thị xã Biên Hòa, Sài Gòn và các tỉnh miền Đông Nam bộ. Đây cũng là lần đầu tiên, phụ nữ Biên Hòa sát cánh cùng nam giới vùng lên đấu tranh mạnh mẽ với qui mô lớn, thể hiện được tinh thần đoàn kết đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng giai cấp.

2. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM THÀNH LẬP – BƯỚC NGOẶT CỦA PHONG TRÀO PHỤ NỮ.

Trong lúc 5.000 nam nữ công nhân sở cao su Phú Riềng đấu tranh quyết liệt với bọn thực dân tư bản Pháp thì ở bán đảo Cửu Long (Hương Cảng), đã diễn ra một sự kiện vô cùng trọng đại đối với cách mạng Việt Nam và cách mạng Đông Dương. Đó là từ ngày 3 đến ngày 7-2-1930, dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Ái Quốc – đại diện Quốc tế Cộng sản – Hội nghị thành lập Đảng được tổ

chức. Hội nghị đã nhất trí hợp nhất ba tổ chức Cộng sản thành một Đảng duy nhất, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam ⁽¹⁾, sau đổi tên thành Đảng Cộng sản Đông Dương.

Sự xuất hiện của Đảng Cộng sản Việt Nam trên vũ đài chính trị là một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng nước ta. Nó chấm dứt thời kỳ cách mạng Việt Nam ở trong tình trạng đen tối không có đường ra, chấm dứt thời kỳ bế tắc, khủng hoảng về đường lối hơn 2-3 thế kỷ kể từ khi nước ta bị đế quốc xâm lược. Đối với tầng lớp phụ nữ, sự ra đời của Đảng đã đưa phong trào đấu tranh cách mạng đi đúng hướng; vai trò, vị trí của người phụ nữ được đề cao trong xã hội và là một bộ phận không thể thiếu trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Vấn đề giải phóng phụ nữ đã được đồng chí Nguyễn Ái Quốc nêu lên trong lời kêu gọi, nhân dịp thành lập Đảng là: “Thực hiện nam nữ bình quyền”. Đây là một trong mười nhiệm vụ quan trọng của Đảng nhằm đưa phụ nữ Việt Nam thoát khỏi những ràng buộc của thần quyền, thế quyền phong kiến, thuộc địa. Trong Luận cương chính trị của Đảng (tháng 10-1930) và đặc biệt quan trọng là Nghị quyết Trung ương toàn thể Hội nghị (tháng 10-1930) đã đề cập nhiều đến vấn đề “nam nữ bình quyền” và công tác phụ nữ vận động. Nghị quyết nhận định: *Công nhân phụ nữ ở xứ ta chiếm một phần lớn trong giai cấp vô sản. Trong đám quần chúng lao khổ ở thành phố và ở nhà quê, phụ nữ cũng chiếm một phần lớn, phụ nữ của cả hai hạng*

⁽¹⁾ Ở Việt Nam lúc này tồn tại ba tổ chức Đảng là: Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng và Đông Dương Cộng sản Liên đoàn.

đều sinh sống cực khổ, nên khi họ đã tiêm nhiễm được tư tưởng cách mạng thì họ rất hăng hái và quả quyết tham gia vào những cuộc đấu tranh cách mạng... Lực lượng cách mạng của phụ nữ là một lực lượng rất trọng yếu, nếu quảng đại quần chúng phụ nữ không tham gia vào những cuộc đấu tranh cách mạng thì cách mạng không thắng lợi được. Bởi vậy cho nên công tác trong quần chúng phụ nữ không phải là một nhiệm vụ phụ thuộc của Đảng, công tác ấy chính là nhiệm vụ lớn và rất trọng yếu. Nghị quyết khẳng định: phải làm cho quần chúng phụ nữ lao khổ tham gia vào các cuộc đấu tranh cách mạng của công nông, đó là điều cốt yếu nhất, nếu phụ nữ đứng ngoài cuộc đấu tranh cách mạng của công nông thì không bao giờ đạt mục đích phụ nữ giải phóng được. Việc thành lập “Phụ nữ liên hiệp” cũng được Đảng đề cập để mưu lợi ích cho phụ nữ: Muốn thu phục cho được hết các phần tử phụ nữ thì ngoài công tác phụ nữ công nông ra, Đảng cần phải tổ chức các đoàn thể phụ nữ như Phụ nữ hiệp hội, mục đích là mưu quyền lợi cho phụ nữ, làm cho phụ nữ triệt để giải phóng, để thu phục cho hết đám phụ nữ lao khổ như vợ công nhân, những người mua gánh bán bưng và tất cả những đám phụ nữ mà không thể tổ chức vào Công hội, Nông hội được ⁽¹⁾.

Những vấn đề về vận động phụ nữ mà Luận cương chính trị và Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng tháng 10-1930 nêu ra là ngọn đuốc soi đường; là tư tưởng, động

⁽¹⁾ *Truyền thống cách mạng của phụ nữ Nam bộ thành đồng.*
Sách đã dẫn, trang 43-44.

lực; là kim chỉ nam cho phụ nữ trên đường cách mạng, đấu tranh vì độc lập dân tộc và giải phóng phụ nữ.

Vừa ra đời, Đảng ta đã lãnh đạo phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh. Tuy bị thực dân Pháp khủng bố khốc liệt, nhưng phong trào đã tỏ rõ tinh thần đấu tranh cách mạng kiên quyết của nhân dân ta.

Trên cơ sở phong trào công nhân phát triển và các tầng lớp nhân dân ngày càng thức tỉnh, Đảng chủ trương phát động một cao trào cách mạng rộng lớn trong cả nước nhân ngày Quốc tế Lao động (1-5-1930).

Thực hiện chủ trương này của Đảng, ở Biên Hòa, liên tục trong năm 1930, nhiều cuộc đấu tranh của nam nữ công nhân ở các sở cao su, Nhà máy cưa BIF, Đê-pô xe lửa Dĩ An đã nổ ra đòi quyền lợi dân sinh. Nhiều cuộc mít tinh chào mừng ngày Quốc tế Lao động, chào mừng Cách mạng tháng Mười Nga đã được tổ chức ở một số địa bàn trong tỉnh, thu hút đông đảo quần chúng tham gia, trong đó có phụ nữ. Phong trào đã tạo nên không khí sôi nổi, tác động mạnh đến tinh thần yêu nước và cách mạng của nhân dân Biên Hòa. Tiếng vang của phong trào lan nhanh, đặc biệt là trong tầng lớp thanh niên, học sinh.

Tại làng Bến Cá, quận Châu Thành (nay là xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu), ảnh hưởng của cách mạng đã sớm đến với quần chúng nhân dân. Bến Cá là địa điểm buôn bán, giao dịch thương mại khá thịnh vượng lúc bấy giờ. Khách thương hồ khắp nơi tụ về trao đổi, mua bán và qua đó, những câu chuyện hành động nghĩa hiệp; những hoạt động của tổ chức "Hội kín"; những cuộc biểu tình, đình công... của công nhân, nông dân; những tin tức chính sự

trong và ngoài nước... được họ rỉ tai nhau và truyền đi rất nhanh, làm nức lòng những người yêu nước và tăng thêm sự căm ghét bọn thực dân. Trước tình hình trên, chính quyền thực dân tại đây đã tìm mọi cách ngăn chặn, hạn chế, nhưng vẫn không sao cản trở được lòng người dân đang hướng về cách mạng, mong sớm thoát khỏi cảnh đời nô lệ của một dân tộc mất nước.

Trong hoàn cảnh ấy, vào năm 1933, đồng chí Lưu Văn Việt (Tư Chà) – đảng viên Đảng Cộng sản, người con của làng Bến Cá, sau thời gian hoạt động ở Sài Gòn và miền Tây Nam bộ đã trở về quê hương gây mầm mống cách mạng, tuyên truyền chủ nghĩa Cộng sản. Qua tuyên truyền và giác ngộ, đồng chí đã kết nạp đồng chí Lưu Văn Văn (Dưỡng trí đường Biên Hòa - nay là Bệnh viện Tâm thần Trung ương II) và đồng chí Huỳnh Văn Phan (Bến Cá) vào Đảng.

Đầu năm 1935, đồng chí Hoàng Minh Châu (tức Vỹ) được Liên tỉnh ủy miền Đông cử về hoạt động ở Biên Hòa. Đồng chí đã xin vào làm thợ ở Nhà máy cơ khí Trường Tiền (tỉnh lỵ Biên Hòa) và bước đầu xây dựng được một số cơ sở trong Nhà máy, đồng thời thăm dò liên lạc với nhóm cơ sở Đảng do đồng chí Lưu Văn Việt tổ chức xây dựng trước đó. Sau khi đã móc nối và thống nhất lại với nhau, đồng chí Hoàng Minh Châu đã vận động thành lập chi bộ Đảng lấy tên là chi bộ Bình Phước – Tân Triều ⁽¹⁾ (vì phần lớn đảng viên quê ở hai xã này). Đây là chi bộ Cộng sản

⁽¹⁾ Chi bộ do đồng chí Hoàng Minh Châu làm Bí thư, đồng chí Tư Phan làm Phó bí thư, các đảng viên: Lưu Văn Văn, Lưu Văn Việt, Quách Tì, Quách Sanh, Trần Minh Triết.

đầu tiên được thành lập ở Biên Hòa, là hạt nhân lãnh đạo phong trào đấu tranh cách mạng ở địa phương và là nòng cốt để hình thành tổ chức Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Biên Hòa sau này.

Sự ra đời của chi bộ Bình Phước – Tân Triều đã đánh dấu một bước phát triển của phong trào cách mạng ở Biên Hòa. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, các tầng lớp phụ nữ trong tỉnh có điều kiện tham gia tích cực vào hoạt động cách mạng.

3. PHỤ NỮ BIÊN HÒA TRONG CAO TRÀO VẬN ĐỘNG MẶT TRẬN DÂN CHỦ ĐÔNG DƯƠNG (1936 - 1939).

Tháng 6-1936, Chính phủ Mặt trận Bình Dân ở Pháp do Đảng Cộng sản Pháp làm nòng cốt được thành lập và đã ban hành một số quyền lợi cho quần chúng lao động ở trong nước và các nước thuộc địa, trong đó có Đông Dương. Trong ba quyết định quan trọng mà Chính phủ Mặt trận Bình Dân Pháp thực hiện ở Đông Dương có một số điểm liên quan đến việc cải thiện điều kiện và nhu cầu làm việc của phụ nữ: Theo “Nghị định ngày 11-10-1936, nêu rõ ngày làm việc của công nhân viên chức dù là công hay tư, nam hay nữ, ở sở tôn giáo hay nhà phước thiện đều “không được quá 10 giờ kể từ ngày 1-1-1936, không được quá 9 giờ kể từ ngày 1-1-1937, và không được quá 8 giờ kể từ ngày 1-1-1938”... cho cả nam lẫn nữ... Không được bắt đàn bà, con gái bất kỳ bao nhiêu tuổi làm đêm trong các nhà máy, các hãng, các hầm mỏ, các xưởng thợ và các nơi phụ thuộc vào đó, dầu là việc công hay việc tư, việc tôn giáo hay

phước thiện, hay là những nơi học nghề cũng vậy. Sắc lệnh ngày 30-12-1936 quy định người công nhân phụ nữ có quyền nghỉ 8 tuần liên tiếp trong thời kỳ sinh đẻ, chủ không vì lẽ gì mà thôi mướn người phụ nữ nghỉ đẻ, nếu ngược lại thì chủ phải bồi thường thiệt hại, trong trường hợp chủ không bồi thường thiệt hại thì người nữ công nhân bị mất việc kia có quyền kiện ra tòa mà không tốn tiền... Người mẹ có quyền cho con bú tại sở làm trong năm đầu sau khi đẻ, người mẹ có quyền nghỉ 20 phút buổi sáng và 20 phút buổi chiều để cho con bú, giờ cho con bú kể trong giờ lao động, chủ không được khấu trừ”⁽¹⁾.

Những điều khoản có lợi cho tầng lớp phụ nữ như đã nêu không phải tự nhiên mà có được. Đó là kết quả của hàng chục năm trời đấu tranh đòi quyền lợi dân sinh không mệt mỏi của giai cấp công nhân và quần chúng lao động, nam cũng như nữ. Đó là thành quả của biết bao nước mắt, mồ hôi và xương máu của những con người yêu nước, yêu chuộng tự do, dân chủ. Và cũng từ những thành quả gạt hái được, tầng lớp phụ nữ càng phấn khởi và tin tưởng vào cuộc đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương⁽²⁾.

Triệt để lợi dụng tình hình chính trị ở nước Pháp có những điều kiện thuận lợi cho phong trào cách mạng trong nước, Đảng ta chủ trương chuyển từ hình thức hoạt động bí

(1) *Truyền thống cách mạng của phụ nữ Nam bộ thành đồng*. Sách đã dẫn, trang 64.

(2) Tháng 10-1930, Đảng Cộng sản Việt Nam đổi tên thành Đảng Cộng sản Đông Dương.

mật, không hợp pháp sang hoạt động công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp, nhằm tập hợp lực lượng và hướng dẫn đông đảo quần chúng đấu tranh từ thấp đến cao, qua đó giáo dục và phát triển đội ngũ cách mạng.

Tháng 7-1936, Hội nghị Trung ương Đảng chủ trương thành lập Mặt trận Nhân dân phản đế, sau đổi thành Mặt trận Dân chủ Đông Dương để tập hợp lực lượng dân chủ và tiến bộ chống lại bọn phát xít và bọn phản động thực dân Pháp, giành tự do dân chủ, cải thiện dân sinh... Ở Biên Hòa, chủ trương của Đảng hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của nhân dân lao động đang sống cùng cực dưới chính sách bóc lột thuộc địa của thực dân Pháp.

Ngày 13-8-1936, Ủy ban trụ bị Đông Dương Đại hội được thành lập tại Sài Gòn để tập hợp nguyện vọng của nhân dân và chỉ đạo xây dựng các Ủy ban hành động ở các tỉnh, thành phố. Mục đích hoạt động của Ủy ban hành động, một tổ chức có tính chất nhân dân rộng rãi là nhằm kêu gọi đồng bào làm bản dân nguyện đưa lên Đại hội Đông Dương, rất được nhân dân tín nhiệm. Chỉ trong vài tháng, toàn Nam kỳ đã xây dựng được 600 Ủy ban hành động. Phong trào Đông Dương Đại hội dưới sự lãnh đạo của Đảng hoàn toàn phù hợp, đáp ứng nguyện vọng của quần chúng nên được hưởng ứng rất tích cực.

Thực hiện chỉ thị thành lập Ủy ban trụ bị Đông Dương Đại hội, đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa (tự Xước) về Bình Ý (thuộc tổng Phước Vĩnh Trung, quận Châu Thành, tỉnh Biên Hòa – nay là xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu) cùng với các đồng chí đảng viên tại chỗ như: Huỳnh Văn Lũy, Phạm Văn Thuận, Phạm Văn Khoai... thành lập Ủy ban hành động tỉnh Biên Hòa. Xã Bình Ý được xem là

trung tâm hoạt động của Ủy ban hành động tỉnh. Sau đó, các Ủy ban hành động ở quận Xuân Lộc, Long Thành được thành lập. Ở quận Châu Thành, hầu hết các xã đều có Ủy ban hành động để tập hợp quần chúng. Trong các sở cao su trên địa bàn tỉnh, Nhà máy cưa BIF ở Biên Hòa... các Ủy ban hành động cũng được lập ra để tập hợp, lãnh đạo công nhân đấu tranh.

Cuộc vận động Đông Dương Đại hội đã thu hút đông đảo quần chúng tham gia, trong đó có sự góp sức rất đặc lực của tầng lớp phụ nữ. Chị em ngày càng ý thức được quyền lợi thiết thực và quyền lợi chính trị của mình gắn liền với vận mệnh dân tộc nên một lòng chí cốt theo cách mạng, không mưu cầu lợi ích riêng tư. Nhiều chị em đã tích cực tham gia các hoạt động xã hội, đấu tranh chính trị, quên góp cứu tế... Không ít chị em, qua thực tiễn hoạt động đã trở thành nhân tố nòng cốt của phong trào và trở thành đảng viên ưu tú của Đảng.

Chị Nguyễn Thị Hậu (Năm Hậu) sống tại xã Bình Ý (quận Châu Thành) là em gái đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa. Được anh tuyên truyền giáo dục, chị Năm Hậu đã vượt qua những ràng buộc vô lý của tư tưởng phong kiến để tham gia hoạt động cách mạng và trở thành hạt nhân của phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương trong giới nữ. Chị đã đứng ra giải thích, vận động chị em nông dân, lao động, buôn bán đóng góp tiền ủng hộ việc xây dựng thư viện Bình Dân ở dốc Bà Bành (Bình Ý), là một trong những trụ sở của Ủy ban hành động tỉnh và là nơi phát hành, tuyên truyền sách, báo tiến bộ và cách mạng của Đảng ở Châu Thành như: báo *La Lutte (Tranh đấu)*, *Dân chúng*... Mỗi đêm, chị Năm Hậu vận động hàng chục chị em cùng với

nhân dân nô nức tụ tập về thư viện Bình Dân nghe đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa đọc và dịch báo in bằng tiếng Pháp; nghe tuyên truyền về chủ nghĩa cộng sản, kêu gọi nhân dân đoàn kết chống áp bức bóc lột, đòi tự do dân chủ...

Đầu tháng 9-1936, hơn 200 người dân thuộc các tầng lớp ở quận Châu Thành và Tân Uyên, trong đó có nhiều chị em đã đến tham dự cuộc mít tinh tại Gò Dê (xã Bình Ý) do Ủy ban hành động tỉnh Biên Hòa tổ chức. Đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa, đại diện Ủy ban hành động tỉnh đã báo cáo tình hình trong và ngoài nước, kêu gọi nhân dân ủng hộ Đông Dương Đại hội; đòi chính quyền thực dân, tay sai phải thực hiện các quyền dân sinh, dân chủ: dân được tự do làm ăn, tự do hội họp, đi lại, bỏ thuế thân, giảm thuế môn bài, tự do sinh hoạt báo chí... Lần đầu tiên, phụ nữ Biên Hòa, thông qua Ủy ban hành động tỉnh đã ý thức được quyền lợi của mình về dân sinh, dân chủ, cơm áo, về bình đẳng nam nữ...

Cuộc mít tinh chưa kết thúc thì tên cai tổng Đạm hay tin liền dẫn lính mã tà (cảnh sát) lên đàn áp. Những người tham gia mít tinh đã hô vang khẩu hiệu: “Đả đảo cai tổng Đạm!”. Sau đó, chị em đã tràn lên, tiến về phía bọn lính. Cuộc mít tinh biến thành cuộc biểu tình thị uy, đả đảo cường hào ác bá, chống sưu cao thuế nặng... Trước sự phẫn nộ và khí thế sôi sục của quần chúng nhân dân, cai tổng Đạm và bọn lính hoảng sợ phải rút lui. Cuộc mít tinh kết thúc bằng cuộc tuần hành về Bến Cá, Cây Đào, Bình Ý...

Trước hoạt động mạnh mẽ gây được ảnh hưởng ngày càng lớn của Ủy ban hành động các cấp, lo sợ phong trào

Mặt trận Dân chủ Đông Dương phát triển rộng trong cả nước, ngày 15-9-1936, thực dân Pháp vội vàng ra lệnh giải tán các Ủy ban hành động và cấm tất cả các cuộc hội họp của nhân dân. Tuy vậy, phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ ở các quận trong tỉnh Biên Hòa không vì thế mà giảm sút, trái lại càng lên cao và đi sâu vào các tầng lớp nhân dân.

Tháng 11-1936, đồng đảo nam nữ công nhân Nhà máy cưa BIF được sự hỗ trợ của nhân dân các xã: Bình Trước, Tam Hiệp, Tân Mai và sự đồng tình hưởng ứng của công nhân Đề-pô Dĩ An đã nhất loạt đình công đòi tăng lương, giảm giờ làm... Trước khí thế và quyết tâm của anh chị em công nhân, bọn chủ buộc phải giải quyết tăng lương cho công nhân.

Cuối năm 1936, đồng chí Trương Văn Bang, nguyên Bí thư Xứ ủy Nam kỳ năm 1933, được Liên Tỉnh ủy miền Đông cử về lãnh đạo phong trào và xây dựng cơ sở Đảng ở Biên Hòa. Đồng chí Trương Văn Bang (Ba Bang) về ở nhà đồng chí Tư Phan tại Bến Cá (xã Bình Phước, quận Châu Thành) là nơi tập trung đông dân và có phong trào tương đối mạnh. Đồng chí thường xuyên bí mật đi lại các xã, quận trong tỉnh để xây dựng cơ sở Đảng và tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản.

Chị Tư Phan, người phụ nữ nông dân tần tảo nhưng khéo léo, tế nhị. Tuy anh Tư không nói, nhưng qua cử chỉ, sinh hoạt của đồng chí Ba Bang, chị biết đây là người “làm quốc sự” (tức làm chính trị). Chị lo nơi ăn chốn ngủ chu đáo cho đồng chí Ba Bang, đồng thời khéo léo đánh tiếng với bà con lối xóm biết quan hệ gia đình giữa mình và người cán bộ mới đến, đảm bảo an toàn cho đồng chí Ba

Bang. Nhờ thế hợp pháp, đồng chí Trương Văn Bang có điều kiện đi lại hoạt động dễ dàng ở Châu Thành và Biên Hòa. Đồng chí Lê Thị Trừ, cháu gọi chị Tư Phan bằng dì, lúc bảy giờ mới mười tuổi, nhưng đã trở thành giao liên đặc lực cho các đồng chí: Trương Văn Bang và Huỳnh Văn Phan, xuống Bình Phước, đi các xã thuộc quận Tân Uyên... Đồng chí Trừ kể lại hoạt động của mình lúc đó như sau: “Lúc đó, tôi còn nhỏ, chưa biết gì về cộng sản. Dượng Tư (Tư Phan) thường cho tiền, cho bánh là thích và sai gì tôi làm đó. Thỉnh thoảng, dượng Tư sai tôi mang một giỏ cá từ Bình Phước giao cho ông A, ông B. Sau này, khi đi kháng chiến, tôi mới biết là trong giỏ cá lúc đó có tài liệu của Đảng. Hoặc có lúc dượng Tư cho kẹo và bảo tôi ngồi ngoài sân đuổi chim không cho ăn lúa phơi để mấy ông “đánh cờ” trong buồng, ai vào nhà thì kêu lên. Sự thật là các đồng chí đang hội họp trong nhà và tôi đuổi chim cũng là canh gác cho các đồng chí”. Ngoài việc làm giao liên, canh gác, đồng chí Trừ còn phụ với đồng chí Tư Phan dùng xu – xoa, bột nếp làm khuôn in tài liệu cách mạng bằng mực tím, in xong tìm chỗ kín đáo dưới đất để chôn, sau đó chuyển phát đi các nơi. Có lần in xong, hai dượng cháu đem tài liệu dìm dưới ao, nhưng do sơ suất, tài liệu thấm nước nên mực tím loang tràn mặt ao. Rất may là người ngoài không nhìn thấy, nên vẫn bảo đảm được bí mật hoạt động. Gia đình chị Năm Ông cũng là một điển hình về tinh thần cách mạng. Chồng chị là đảng viên thuộc chi bộ Tân Triều. Bản thân chị ngoài trách nhiệm làm vợ, làm mẹ, người nội trợ trong gia đình, cũng đã tích cực tham gia hoạt động cách mạng, làm nhiệm vụ giao liên, bảo vệ chi bộ Bình Phước - Tân Triều. Những công việc được giao, dù khó khăn đến mấy, chị vẫn hoàn thành. Nhà chị là cơ sở

cách mạng vững chắc, nơi diễn ra Hội nghị thành lập Đảng bộ tỉnh Biên Hòa. Chị Sáu ở Cây Đào, là vợ đồng chí Phạm Văn Khoai (Năm Khoai – đảng viên thuộc chi bộ Bình Ý) là hạt nhân tích cực của tổ chức Công hội đỏ ở sở cao su Phú Thanh ⁽¹⁾.

Đầu năm 1937, Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Biên Hòa được thành lập, do đồng chí Trương Văn Bang làm Bí thư ⁽²⁾. Tỉnh ủy đã chỉ đạo thành lập các tổ chức quần chúng để mở rộng phong trào, xây dựng cơ sở cách mạng như: Công hội đỏ, Nông hội đỏ, Hội ái hữu... để kết hợp các hoạt động bí mật, hợp pháp, bán hợp pháp...

Từ tháng 2 đến tháng 7-1937, nhiều chi bộ Đảng ở các xã trong tỉnh Biên Hòa được thành lập, như các chi bộ: Bình Ý, Bình Phước, Tân Triều, Thiện Tân, Bình Hòa, Bửu Long... Tại Nhà máy cửa BIF, hai chi bộ Đảng đã được xây dựng. Một số chi bộ có đảng viên nữ như đồng chí Nguyễn Thị Hậu ở chi bộ Bình Ý.

Dựa vào các tổ chức hợp pháp, các cốt cán nữ đã cùng anh em tham gia vận động nữ giới tổ chức nhiều cuộc đấu tranh ở nông thôn, ở các xưởng máy, thủ công, đòi cải thiện đời sống, tăng lương, chống đánh đập, cúp phạt...

Ngày 28-5-1937, toàn thể nam nữ công nhân Nhà máy cửa BIF đã tiến hành bãi công chống bọn cai, xu đánh

⁽¹⁾ Cai tổng Võ Hà Thanh, khi về hưu được phong hàm “Phủ danh dự”, có sở cao su ở các xã: Tân Phú, Thiện Tân.

⁽²⁾ Tỉnh ủy viên gồm các đồng chí: Trần Minh Triết, Huỳnh Văn Phan, Huỳnh Liêng (Hai Liêng), Lê Văn Tôn (Năm Tôn), Nguyễn Hồng Kỳ (Ba Cờ)...

đập công nhân. Ngày 18-11-1938, hơn 200 công nhân nam nữ Nhà máy cửa lại đình công phản đối bọn chủ hãng giảm giá khoán cửa gỗ từ 1 đồng xuống 0,6 đồng một mét khối. Cuộc đấu tranh đã gây tiếng vang lớn ở Biên Hòa, cổ vũ thêm phong trào ở nông thôn.

Từ tháng 2 đến tháng 6-1937, được sự chỉ đạo của chi bộ Đảng, nhân dân các xã: Hóa An, Tân Phong, Bửu Long, Bửu Hòa, Tân Mai... có sự tham gia của nhiều chị em đã tổ chức chống lại bọn chức sắc, địa chủ, cường hào ác bá ở địa phương, đòi bãi bỏ “lệ làng” – một gánh nặng đè lên đôi vai của người dân lao động nghèo từ đời này sang đời khác. Trước sức mạnh của quần chúng, bọn chúng buộc phải nhượng bộ, giảm hẳn các khoản đóng góp bắt buộc đối với người dân.

Tại các xã: Bình Ý, Bình Phước, Tân Triều, Thiện Tân, Bửu Long, Bửu Hòa... ở quận Châu Thành và Tân Uyên, bằng các hình thức hội tương tế, hội ái hữu ⁽¹⁾, chị em đã xây dựng được tình đoàn kết xóm ấp, giúp đỡ, tương trợ lẫn nhau trong đời sống và việc làm. Phong trào thành lập các hội đã có sức cuốn hút mạnh, thu hút đông đảo tầng lớp phụ nữ tham gia như: Hội cấy, Hội gặt, Hội rửa chén, Hội chùa, Hội miếu, Hội nhà vàng (tức mai táng)... Sự tập trung này cũng chính là điều kiện thuận lợi để tiến hành đấu tranh đòi quyền lợi thiết thân, như một số cuộc bãi công của chị em trong Hội cấy, Hội gặt, đòi chủ ruộng không được lạm công (khối lượng việc nhiều nhưng mướn

(1) Là một tổ chức quần chúng hoạt động công khai nhằm tương trợ lẫn nhau giữa những người cùng ngành nghề hoặc gặp hoàn cảnh hữu sự.

công nhân ít); lạm giờ, cho ăn giữa buổi; có trâu thuốc để chị em dùng... Ở một số chợ, chị em tổ chức đồng loạt không họp chợ buôn bán, đòi phải giảm thuế hoa chi... Qua hoạt động phong trào, nhiều chị em đã trở thành cơ sở tốt của Đảng.

Phong trào nghe báo Đảng, báo tiến bộ như: *Le Peuple, Dân chúng, Tiến lên...* được phụ nữ Châu Thành tham gia tích cực. Chị em còn quyên góp từng đồng, từng xu ủng hộ các báo. Chị em đã tìm thấy trong báo Đảng không chỉ món ăn tinh thần, mà còn những lời hướng dẫn và biện pháp đấu tranh.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, phụ nữ Biên Hòa còn tham gia các cuộc mít tinh đấu tranh của nhân dân và phụ nữ ở Sài Gòn. Chiều ngày 28-11-1937, gần 100 người dân các xã: Bình Ý, Bình Phước, Tân Triều, với nhiều chị em, đại diện cho nhân dân quận Châu Thành đã kéo về dự mít tinh “thảo tập dân nguyện” do Xứ ủy Nam kỳ tổ chức tại rạp hát Thành Xương (nay là rạp hát Công Nhân – Thành phố Hồ Chí Minh).

Khai mạc cuộc mít tinh, đồng chí Dương Bạch Mai nói: “Chúng tôi tổ chức cuộc mít tinh này để cho những điều từ 50 năm đô hộ đồng bào ta đã nói lên lút, thì thào, mà từ năm ngoái đã hô to trong các cuộc biểu tình, nay được nói lên trong phòng họp này... Chúng ta đòi một chế độ cai trị dễ thở, chúng ta đòi một cuộc sống cơm đủ no, áo đủ ấm, con em chúng ta được học hành...”.

Các đại biểu phụ nữ Biên Hòa lắng nghe đã xúc động, hả hê về lời phát biểu của chị Mai Thị Sóc. Chị nói: “Mấy chục năm trời, bọn đế quốc đã đàn áp đồng bào, bà

con chúng ta. Nó đã khủng bố đồng bào, anh em ta một cách dã man. Nó bóc lột, khoét đẽo đủ trăm bề, bề nào cũng cho chúng ta không cất đầu lên nổi. Đả đảo đế quốc dã man!”.

Trong chế độ thuộc địa nửa phong kiến, không phải ai cũng nói lên được những sự bất công và bóc lột của thực dân Pháp mà mình thấy được. Giới phụ nữ Biên Hòa, ai được nghe kể lại nội dung cuộc mít tinh, nhất là lời kết tội bọn thực dân Pháp của chị Hai Sóc cũng đều phấn khởi.

Ở các vùng cao su, dưới sự lãnh đạo của các chi bộ Đảng và tổ chức Công hội, các nữ công nhân luôn sát cánh cùng nam giới đấu tranh đòi chủ sở phải cải thiện đời sống và điều kiện làm việc, đòi phải thi hành những Nghị định mà chính quyền Mặt trận Bình Dân đã ban hành đối với công nhân ở thuộc địa. Ngày 1-1-1939, toàn thể nam nữ công nhân các đồn điền cao su ở Biên Hòa đã bãi công đòi tăng lương, đòi cải thiện đời sống như: cho lấy nước trong sở để dùng, trại công nhân nghỉ phải có ván nằm, không được đuổi thợ vô cớ, đòi thả những người bị bắt...

Qua phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương, nhân dân Biên Hòa nói chung, phụ nữ Biên Hòa nói riêng được nâng cao hơn nhận thức về vị trí, vai trò của mình trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Nhận thức này sẽ biến thành hành động cách mạng cao hơn khi có thời cơ.

4. PHỤ NỮ BIÊN HÒA TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945.

Ngày 1-9-1939, phát xít Đức đánh chiếm Ba Lan, Cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ. Tháng 6-

1940, thực dân Pháp đầu hàng phát xít Đức. Tháng 9-1940, thực dân Pháp lại cúi đầu dâng Đông Dương cho phát xít Nhật. Năm 1941, phát xít Nhật đổ bộ vào Biên Hòa. Nhân dân ta phải chịu cảnh một cổ hai tròng.

Để cung đốn cho bộ máy chiến tranh của phát xít Đức – Nhật, thực dân Pháp càng tăng cường vơ vét, bóc lột nhân dân ta. Chúng tăng thuế, cưỡng bức nhân dân ta phải đóng đảm phụ, mua công trái... Các mặt hàng nông sản, lâm sản và nhiều phương tiện bị thực dân Pháp trưng thu, trưng mua. Đời sống của nhân dân vô cùng khó khăn. Đồng thời, thực dân Pháp còn tăng cường bắt thanh niên đi lính làm bia đỡ đạn cho chúng ở mặt trận Châu Âu để chết thay cho thanh niên ở chính quốc. Chúng ra sức khủng bố phong trào cách mạng do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Các thành quả giành được trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ bị chúng xóa bỏ. Thực dân Pháp ra sức truy lùng, bắt bớ những người hoạt động chính trị.

Ngày 23-11-1940, khởi nghĩa Nam kỳ nổ ra. Nhưng do tổ chức không chặt, thời cơ cách mạng chưa chín muồi, cuộc khởi nghĩa đã thất bại. Thực dân Pháp càng ra sức khủng bố ác liệt phong trào. Nhiều đảng viên ở Biên Hòa phải lánh vào các đồn điền cao su ở Xuân Lộc, Long Thành để tạo cơ sở, tiếp tục lãnh đạo phong trào đấu tranh của công nhân. Được sự bảo vệ của công nhân, các sở cao su là nơi ẩn náu tốt và là chỗ rất thuận lợi cho cán bộ cách mạng lánh vào tiếp tục hoạt động.

Trước sự khủng bố đẫm máu của thực dân Pháp, phong trào cách mạng ở vùng thị trấn, nông thôn Biên Hòa tạm thời lắng xuống. Trong khi đó, ở các đồn điền cao su, được các đảng viên lãnh đạo, nhiều cuộc đấu tranh của

công nhân đã diễn ra. Có cuộc đấu tranh đã thu hút đông đảo công nhân tham gia.

Tháng 9-1940, ở Suối Tre, An Lộc, dưới sự lãnh đạo của các đồng chí đảng viên cộng sản, hơn 400 nam nữ công nhân đã tiến hành đình công. Chủ sở phải kêu cứu hiến binh Xuân Lộc đến đàn áp. Tháng 12-1940, ở các sở: Dầu Giây, An Lộc, Bình Lộc, Túc Trưng, Cây Gáo... hàng ngàn nam nữ công nhân đã đồng loạt đấu tranh đòi bọn chủ sở không được cúp phạt, đánh đập công nhân, đòi cho công nhân mãn hạn công-tra được về xứ... Tháng 11-1941, 600 nam nữ công nhân hai làng: A và B (thuộc sở cao su Bình Lộc) đã nổi dậy đấu tranh. Khoảng 7 giờ tối, công nhân đốt đuốc truy lùng, bắt được tên sếp Ký ác ôn, buộc hắn phải làm bản thú tội, xin chừa thói tàn ác. Sáng hôm sau, 600 công nhân đã bãi công ngay trên sân diêm, đấu tranh với các yêu sách:

- Không bắt công nhân đi làm quá sớm.
- Không đánh đập, cúp phạt công nhân.
- Phải cấp gạo trắng và khô không mục cho công nhân.
- Phải trả công nhân công-tra về xứ theo hạn định (khi hết giao kèo).

Tên chủ sở Đơ-phơ-ray vừa đến sân diêm liền bị công nhân bao vây. Hắn hoảng sợ phải chấp nhận các yêu sách mà công nhân đưa ra. Đến tháng 12-1941, sau khi cho bọn mật thám điều tra tình hình và nắm danh sách những người cầm đầu, tên Tỉnh trưởng Biên Hòa Ri-vi-e đã dẫn 20 lính khố đỏ lên Bình Lộc để đàn áp. Chúng bắt công nhân tập trung tại sân diêm để nhìn mặt, bắt người. Chi